

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

Số: // /2002/NQ-HĐND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày // tháng 02 năm 2002

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 6

(Từ ngày 21 tháng 01 năm 2002 đến ngày 24 tháng 01 năm 2002)

NGHỊ QUYẾT VỀ DỰ TOÁN VÀ PHÂN BỐ NGÂN SÁCH NĂM 2002

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ vào Điều 120, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 1992).

- Căn cứ Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25/12/2001 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 1992.

- Căn cứ vào Điều 11, Luật tổ chức HĐND và UBND (Sửa đổi).

- Căn cứ vào Điều 25, Luật ngân sách nhà nước; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ngân sách Nhà nước.

Sau khi xem xét báo cáo của UBND tỉnh về dự toán thu, chi ngân sách của tỉnh năm 2002, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách - HĐND tỉnh, ý kiến của các vị đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ

I- Thông qua dự toán và phân bổ ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2002 với những chỉ tiêu chủ yếu sau:

1- Tổng thu NSNN trên địa bàn tỉnh: 220.000 triệu đồng.

Trong đó: Thu trong cân đối NSNN là: 190.000 triệu đồng

2- Tổng chi Ngân sách nhà nước : 688.853 triệu đồng (Không kể ghi thu, ghi chi). Trong đó Ngân sách tỉnh chi : 595.609 triệu đồng

Trong đó có: - Chi bổ sung cho NS cấp huyện: **65.556 triệu đồng**

- Chi hoạt động của HĐND tỉnh: **750 triệu đồng**
(Kèm theo các phụ lục số 01,02 và 03)

II- Thông qua các biện pháp thực hiện dự toán ngân sách tỉnh năm 2002 do UBND tỉnh trình. HĐND tỉnh nhấn mạnh một số vấn đề sau:

1/ Đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo qui định của pháp luật; Phấn đấu đạt và vượt dự toán thu để tạo nguồn bổ sung cho đầu tư phát triển.

2/ Triệt để tiết kiệm trong chi tiêu ngân sách trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp và các doanh nghiệp, đảm bảo sử dụng ngân sách đúng mục đích và có hiệu quả. Giảm chi tiêu dùng để tăng nguồn cho đầu tư phát triển. Quản lý chặt chẽ chi tiêu ngân sách, nhất là trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, chi thường xuyên, chi quản lý hành chính. Kiểm soát chặt chẽ việc chi ngân sách nhà nước, xử lý nghiêm các vi phạm đã được các cơ quan thanh tra, kiểm tra kết luận.

3/ Thực hiện nghiêm túc Luật NSNN trong việc vay và chi từ các nguồn vay ngân sách cấp trên, tính toán kỹ về hiệu quả và khả năng thu hồi vốn, khả năng trả nợ để chủ động cân đối ngân sách cho những năm sau, giữ nghiêm kỷ luật tài chính và góp phần làm lành mạnh hoá nền tài chính của tỉnh.

4/ Thực hiện đầy đủ qui định về công khai ngân sách, sự giám sát của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đối với các khoản thu, chi ngân sách, nhất là việc thực hiện các chế độ, định mức chi tiêu, mua sắm, xây dựng trụ sở... và việc huy động, sử dụng nguồn đóng góp của nhân dân. Tập trung các nguồn lực để thực hiện chương trình xoá đói, giảm nghèo, tạo việc làm mới. Ưu tiên cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các xã nghèo đặc biệt khó khăn. Tập trung vốn cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong sản xuất nông lâm nghiệp, xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở ở nông thôn; Phát triển và nâng cao chất

lượng giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và môi trường, y tế, văn hoá xã hội trên cơ sở đầu tư từ nguồn ngân sách và huy động tối đa các nguồn nội lực của toàn xã hội.

III- HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước năm 2002 tại địa phương.

IV- Giao cho Thường trực HĐND tỉnh, Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện dự toán và phân bổ ngân sách năm 2002 của tỉnh. Ban Pháp chế, Ban Dân tộc, Ban Văn hoá Xã hội của HĐND tỉnh, các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện dự toán và phân bổ ngân sách trên các lĩnh vực, địa bàn thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Thái nguyên khoá X, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 24 tháng 01 năm 2002./.

Nơi nhận

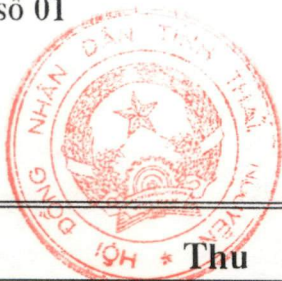
- UBTW Quốc hội
- Chính phủ
- Các đại biểu HĐND tỉnh Thái Nguyên khoá X
- TT Tỉnh uỷ (B/c)
- UBND tỉnh TN
- Đoàn đại biểu QH đơn vị tỉnh TN
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh
- TT.HĐND và UBND các huyện, thành, thị trong tỉnh
- Thường trực MTTQ tỉnh TN
- Lưu: VP-TH HĐND.

CHỦ TỊCH HĐND TỈNH THÁI NGUYÊN



Hứa Đức Nhị

124
Phụ lục số 01



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2002

Đơn vị: Triệu đồng.

Thu	Số tiền	Chi	Số tiền
TỔNG SỐ THU	<u>688 853</u>	TỔNG SỐ CHI	<u>688 853</u>
1- Các khoản thu NSDP được hưởng	184 000	1- Chi đầu tư XDCB tập trung	55 800
2- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	385 000	2- Chi hỗ trợ XD cơ sở hạ tầng theo NQ HĐND tỉnh	55 280
(kể cả vốn thiết bị nước ngoài)		Tr.đó: - Từ nguồn vay quỹ HTPT	30 000
3- Thu vay quỹ HTPT cho XD cơ sở hạ tầng	30 000	- Từ nguồn được để lại theo NQ Quốc hội	25 280
4- Thu từ NSTU các chương trình MTQG	64 853	3- Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích	2 500
5- Thu kết dư năm 2001 chuyển sang	25 000	4- Chi thường xuyên	467 420
		5- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	64 853
		6- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1 000
		7- Dự phòng	17 000
		8- Chi chuyển kết dư năm sau	25 000



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tỉnh Thái Nguyên năm 2002

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị	Dự toán thu Năm 2002	Trong đó: Thu trong cân đối
	Tổng cộng	<u>220 000</u>	<u>190 000</u>
A	<u>Khối tỉnh thu</u>	<u>113 390</u>	<u>113 390</u>
B	<u>Khối huyện thu</u>	<u>106 610</u>	<u>76 610</u>
1	TP Thái Nguyên	54 290	47 990
2	H. Đồng Hỷ	9 302	4 502
3	H. Võ Nhai	2 682	1 482
4	H. Phú Bình	5 129	2 529
5	H. Phổ Yên	8 822	4 622
6	TX. Sông Công	5 433	3 633
7	H. Đại Từ	11 760	6 860
8	H. Phú Lương	5 993	3 493
9	H. Đại Từ	3 199	1 499

Phụ lục số 03



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
Tỉnh Thái Nguyên năm 2002

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG CÁC KHOẢN CHI	DỰ TOÁN NĂM 2002	TRONG ĐÓ
	TRÊN ĐỊA BÀN	NS TỈNH
TỔNG CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	<u>688 853</u>	<u>595 609</u>
<i>I- Chi XDCB tập trung</i>	<i>55 800</i>	<i>55 800</i>
<i>II- Chi hỗ trợ XD cơ sở hạ tầng theo NQ HĐND tỉnh</i>	<i>55 280</i>	<i>25 280</i>
<i>III- Chi hỗ trợ doanh nghiệp công ích</i>	<i>2 500</i>	<i>2 500</i>
<i>IV- Chi thường xuyên</i>	<i>467 420</i>	<i>352 260</i>
Trong đó:		
Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	2 850	2 850
Chi sự nghiệp kinh tế	48 585	29 590
Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	212 750	210 450
Chi sự nghiệp Y tế + ban BVSK	45 760	45 760
Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường	5 130	5 130
Chi sự nghiệp Văn hoá - Thông tin	5 505	4 250
Chi sự nghiệp Phát thanh - Truyền hình	4 510	3 300
Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	3 545	2 480
Chi đảm bảo xã hội	10 540	7 730
Chi quản lý hành chính	62 060	35 460
Chi an ninh quốc phòng địa phương	5 125	2 700
Chi cho ngân sách xã	55 910	
Chi khác ngân sách	5 150	2 560
<i>V- Chi bổ sung Ngân sách cấp huyện</i>		<i>65 556</i>
<i>VI- Chi các Chương trình mục tiêu Quốc gia</i>	<i>64 853</i>	<i>64 853</i>
<i>VII- Chi lập hoặc bổ sung quỹ Dự trữ TC</i>	<i>1 000</i>	<i>1 000</i>
<i>VIII- Dự phòng</i>	<i>17 000</i>	<i>13 360</i>
<i>IX- Chi chuyển kết dư năm sau</i>	<i>25 000</i>	<i>15 000</i>